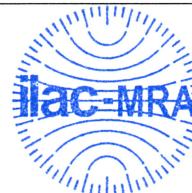




BỘ Y TẾ  
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam  
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH DƯỢC LIỆU CHUẨN DƯỢC ĐIỀN VIỆT NAM

Số: 07/2022

HOÀNG KỲ

(*Radix Astragali membranacei*)

SKS: HP0222032

Rễ phơi, sấy khô của cây Hoàng Kỳ Mông Cổ [*Astragalus membranaceus* (Fisch.) Bge. var. *mongholicus* (Bge.) Hsiao, hoặc cây Hoàng Kỳ Mạc Giáp (*Astragalus membranaceus* (Fisch.) Bge.], họ Đậu (Fabaceae), đã được nghiên thành bột.

### I. Mục đích sử dụng

Sử dụng trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lop mỏng.

**II. Mô tả:** Bột màu trắng hơi vàng.

### III. Liên kết chuẩn

Dược liệu chuẩn Hoàng kỳ (NIFDC - Trung Quốc), SKS: 120974-201612;

Chất chuẩn Astragalosid IV (Chengdu Biopurity Phytochemical Ltd), SKS: PRF10092741, HL: 99,29 % ( $C_{41}H_{68}O_{14}$ ), tính theo khan, ẩm: 0,42 %;

Chất chuẩn Calycosin 7-O- $\beta$ -D-glucosid (NIFDC - Trung Quốc), SKS: 111920-201606, HL: 97,6 % ( $C_{22}H_{22}O_{10}$ ), tính theo nguyên trạng.

### IV. Kết quả phân tích

#### 1. Bột

: Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Hoàng kỳ.

#### 2. Định tính

Phương pháp SKLM

Phương pháp 1

: Sắc ký đồ của dung dịch thử cho các vết có cùng màu sắc và giá trị  $R_f$  với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu Hoàng kỳ và có một vết cùng màu sắc và giá trị  $R_f$  với vết Astragalosid IV trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Phương pháp 2

: Sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết phát quang cùng màu sắc và giá trị  $R_f$  với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu Hoàng kỳ.

**2. Định tính**

Phương pháp hóa học

: Thể hiện đặc điểm phản ứng hóa học của dược liệu Hoàng kỳ.

**3. Độ ẩm**

Phương pháp sấy (1 g, 105 °C, 5 h).

: 7,5 %.

**4. Tro toàn phần**

: 3,1 %.

**5. Tro không tan trong acid**

: 0,6 %.

**6. Chất chiết được trong dược liệu**

Phương pháp chiết lạnh, dung môi chiết là nước.

: 38,1 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp chiết lạnh, dung môi chiết là ethanol 70 %.

: 41,5 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

**7. Định lượng**

Phương pháp HPLC-ELSD

: 0,11 % Astragalosid IV ( $C_{41}H_{68}O_{14}$ ), tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp HPLC-DAD

: 0,04 % Calycosin 7-O- $\beta$ -D-glucosid ( $C_{22}H_{22}O_{10}$ ), tính theo dược liệu khô kiệt.**V. Hướng dẫn sử dụng:** Không sấy trước khi dùng.**VI. Bảo quản:** Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra	Kiểm tra lần sau	Phụ trách khoa (ký)
	09/2023	<i>Nguyễn</i>
09/2023	09/2024	<i>Nguyễn</i>

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2022

Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.gov.vn>